

VŨ ĐÌNH MƯỜI*

THỰC TRẠNG BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI MƯỜNG Ở TỈNH NINH BÌNH¹

Tóm tắt: Người Mường có lịch sử cư trú lâu đời ở Việt Nam, đã tạo dựng một nền văn hóa phong phú, đa dạng và giàu bản sắc. Tuy nhiên, dưới tác động của kinh tế thị trường, di cư lao động và chính sách quản lý rừng, văn hóa truyền thống của người Mường tại tỉnh Ninh Bình đang biến đổi sâu sắc. Nhiều giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể bị mai một, thậm chí có nguy cơ mất hẳn nếu không được bảo tồn kịp thời. Trên cơ sở tư liệu nghiên cứu thực tế tại xã Cúc Phương, tỉnh Ninh Bình và tiếp cận từ góc nhìn dân tộc học, bài viết tập trung phân tích nguyên nhân, thực trạng biến đổi văn hóa truyền thống của người Mường ở địa phương, đồng thời đưa ra một số luận điểm về bảo tồn di sản văn hóa và khuyến nghị chính sách. Qua đó, nghiên cứu hướng đến việc gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa đặc sắc của cộng đồng Mường trong bối cảnh hiện đại hóa và hội nhập.

Từ khóa: Bảo tồn, di sản văn hóa, người Mường, Ninh Bình.

Ngày nhận bài: 23/10/2025; ngày phản biện: 31/10/2025; ngày duyệt đăng: 22/11/2025.

Mở đầu

Người Mường là cư dân tại chỗ, có lịch sử cư trú lâu đời ở nước ta. Trải qua thời gian, người Mường đã tạo dựng một nền văn hóa phong phú, đa dạng, giàu bản sắc tộc người. Ở tỉnh Ninh Bình, hiện nay người Mường sinh sống chủ yếu ở địa bàn huyện Nho Quan (cũ), với dân số khoảng 29.000 người (chiếm 18% tổng dân số toàn huyện). Đây cũng là tộc người chiếm trên 80% dân cư các tộc người thiểu số của tỉnh. Tại huyện Nho Quan, Cúc Phương là xã có tỷ lệ người Mường sinh sống nhiều nhất với 82% tổng dân số toàn xã (UBND huyện Nho Quan, 2022). Gần đây, do nhiều nguyên nhân, đặc biệt, tác động của kinh tế thị trường, di cư lao động, chính sách quản lý rừng, đời sống kinh tế - xã hội của người Mường ở Ninh Bình đã có những biến đổi sâu sắc. Trong đó, nhiều dạng thức văn hóa truyền thống đã mai một và có nguy cơ biến mất nếu không được quan tâm bảo tồn đúng mức.

Văn hóa truyền thống của người Mường đã được nhiều nghiên cứu đề cập, phần lớn tập trung vào người Mường ở các tỉnh Hòa Bình và Thanh Hóa, tiêu biểu là các nghiên cứu của Jeanne Cuisinier (1995), Trần Từ (1996), Nguyễn Ngọc Thanh (2015). Nghiên cứu riêng về người Mường ở tỉnh Ninh Bình có công trình của Bùi Huy Vọng (2020) về bản sắc và biến đổi văn hóa, Dương Ngọc Dung (2015) về tang ma. Đến nay, nghiên cứu chuyên sâu về bảo

* Viện Dân tộc học và Tôn giáo học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Email: vmuoi@yahoo.com.

¹ Bài viết là kết quả của Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Cơ sở năm 2025: “Các nguồn lực tộc người trong phát triển sinh kế của người Mường ở tỉnh Ninh Bình”, do ThS. Vũ Đình Mười làm chủ nhiệm, Viện Dân tộc học và Tôn giáo học là tổ chức chủ trì.

tồn văn hóa truyền thống của người Mường ở xã Cúc Phương vẫn chưa được quan tâm một cách sâu sắc. Trên cơ sở tư liệu điền dã thu thập chủ yếu qua phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm và quan sát tại xã Cúc Phương, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình², dưới góc độ dân tộc học, bài viết này tập trung vào một số quan điểm cơ bản về bảo tồn di sản văn hóa nói chung, di sản văn hóa cộng đồng nói riêng; thực trạng biến đổi văn hóa truyền thống của người Mường ở địa phương; một số vấn đề đặt ra và khuyến nghị cho việc hoạch định chính sách bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của người Mường ở tỉnh Ninh Bình.

Xã Cúc Phương cách trung tâm huyện Nho Quan khoảng 12km về phía tây bắc. Tại thời điểm nghiên cứu, xã được chia thành 10 thôn, gồm: Bãi Cỏ, Đồng Bót, Đồng Quân, Đồng Tâm, Nga 1, Nga 2, Nga 3, Sấm 1, Sấm 2, Sấm 3. Thực hiện chính sách bảo tồn rừng Vườn Quốc gia Cúc Phương, từ năm 1987 đến năm 1990, các làng người Mường của xã nằm bên trong khu vực rừng đặc dụng buộc phải di dời, tái định cư tại vùng đệm của Vườn. Sự kiện này tác động lớn đến đời sống của người dân. Xã hiện có 963 hộ, 3565 khẩu; trong đó người Mường chiếm đa số khoảng 82%, còn lại là người Kinh và một vài người dân tộc khác đến cư trú thông qua hôn nhân hỗn hợp (UBND xã Cúc Phương, 2024). Người Mường ở xã Cúc Phương đã định cư ở đây từ lâu, nguồn gốc chủ yếu là di cư từ tỉnh Hòa Bình và tỉnh Thanh Hóa. Người Kinh ở xã là cán bộ, nhân viên Vườn Quốc gia Cúc Phương, giáo viên, và người dân từ các địa phương trong tỉnh tới cư trú để làm dịch vụ, kinh doanh buôn bán. Họ sống tập trung ở các thôn dọc trục đường chính của xã như Đồng Quân, Đồng Tâm, Nga 2, Nga 3. Ở các thôn cách xa trục giao thông chính như Sấm 1, Sấm 2, Sấm 3 và Nga 1, hầu hết là người Mường cư trú. Sinh kế của đồng bào hiện dựa chủ yếu vào nông nghiệp và di cư lao động (làm công nhân, làm thuê), chỉ một số hộ cư trú dọc trục đường chính của xã tham gia dịch vụ, buôn bán nhỏ lẻ.

1. Một số quan điểm về bảo tồn di sản văn hóa

Di sản văn hóa có thể hiểu là các hiện vật, vật thể và các thuộc tính phi vật thể của một nhóm, tổ chức hay xã hội được kế thừa từ các thế hệ trước, được duy trì đến hiện tại và giữ gìn cho các thế hệ mai sau. Di sản văn hóa bao gồm văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể và di sản tự nhiên gắn liền với các dạng thức văn hóa, được coi là *cầu nối giữa quá khứ và tương lai*. Khái niệm di sản văn hóa phát triển như là kết quả của quá trình lịch sử phức tạp và không ngừng phát triển dựa trên các hệ thống giá trị có thể thay đổi qua thời gian (CEU, 2024). *Bảo tồn di sản văn hóa* là hoạt động sử dụng các phương pháp có chủ đích và phù hợp để duy trì di sản văn hóa từ quá khứ vì lợi ích của thế hệ hiện tại và tương lai (Endong, 2018).

Hoạt động bảo tồn di sản văn hóa là công việc phức tạp và có nhiều thách thức bởi nó được nhìn nhận từ các góc độ giá trị khác nhau, đôi khi xung đột với nhau: giá trị kinh tế, giá

² Việc nghiên cứu thực địa, thu thập tư liệu sử dụng trong bài viết này được tiến hành tại xã Cúc Phương, huyện Nho Quan thuộc tỉnh Ninh Bình vào tháng 6/2025, trước thời điểm thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, có hiệu lực từ ngày 01/07/2025. Sau khi sáp nhập, xã Cúc Phương cũ hợp nhất với xã Văn Phương thành xã mới, giữ nguyên tên Cúc Phương. Theo đó, cấp huyện bị giải thể, huyện Nho Quan được chia thành các xã Nho Quan, xã Gia Lâm, xã Gia Tường, xã Phú Sơn, xã Cúc Phương, xã Phú Long, xã Thanh Sơn, xã Quỳnh Lưu, phường Tây Hoa Lư, phường Yên Sơn. Để đảm bảo tính nguyên bản của nghiên cứu, bài viết sử dụng tên gọi địa phương cũ ở thời điểm điều tra, khảo sát.

trị thẩm mỹ, giá trị văn hóa, giá trị chính trị, giá trị giáo dục... trong bối cảnh có sự đa dạng của các bên liên quan tham gia vào quá trình bảo tồn, cân bằng các giá trị này là thách thức khó khăn trong việc đưa ra các quyết định bảo tồn nhằm đáp ứng nhu cầu, lợi ích của nhiều thành phần liên quan (Bluestone et al., 1999: 2). Trong lĩnh vực bảo tồn di sản văn hóa có 03 nhóm quan điểm chính: *Bảo tồn nguyên gốc*, *Bảo tồn có chọn lọc*, *Bảo tồn và phát triển*. Trong thực tiễn, tùy theo từng di sản văn hóa, từng bối cảnh cụ thể mà các nhà bảo tồn đưa ra quyết định lựa chọn quan niệm phù hợp. Gần đây, đã có đề xuất áp dụng quan điểm lý thuyết “bảo tồn thích ứng” đối với việc bảo tồn các dạng thức văn hóa gắn với các cộng đồng dân cư quy mô nhỏ (làng, thôn, bản). Bảo tồn thích ứng là phương pháp, cách thức bảo tồn các di sản “sống” ở trong các cộng đồng để gìn giữ, chuyển tiếp, bổ sung giá trị và có sự sáng tạo để tiếp tục đưa di sản sống với xã hội đương đại. Trong khi các cách bảo tồn đều dựa trên những nguyên tắc: nhận diện, đánh giá giá trị và tu bổ tôn tạo, trong đó bảo vệ tối đa được các yếu tố gốc thì quan điểm bảo tồn thích ứng khác biệt ở chỗ, nó nhấn mạnh đến việc tích hợp các giá trị lịch sử, các giá trị đương đại và cả xu hướng giá trị tương lai, các giá trị phi vật thể và cảnh quan gắn liền với các dạng thức văn hóa truyền thống của cộng đồng (Phạm Hùng Cường, 2016).

Đối với văn hóa của người Mường ở tỉnh Ninh Bình, các thành tố văn hóa, thường gắn liền với đời sống sinh hoạt hàng ngày, lao động sản xuất, cảnh quan làng xã và thiên nhiên bao quanh, đây là hệ sinh thái tạo nên sức sống của các di sản văn hóa tộc người. Chính vì vậy, các dạng thức văn hóa này có thể được coi là di sản văn hóa “sống”. Quan điểm tiếp cận “bảo tồn thích ứng” nêu trên có thể coi là phù hợp với bối cảnh bảo tồn di sản văn hóa của người Mường ở tỉnh Ninh Bình hiện nay.

2. Thực trạng bảo tồn văn hóa truyền thống của người Mường

Sinh kế truyền thống của người Mường ở tỉnh Ninh Bình mang tính tự cung tự cấp, chủ yếu dựa vào canh tác lúa nước và khai thác các nguồn lợi tự nhiên, đặc biệt là lâm thổ sản từ rừng. Các hoạt động sinh kế khác như chăn nuôi, thủ công nghiệp và trao đổi buôn bán đóng vai trò phụ trợ. Trong đó, rừng đóng vai trò hết sức quan trọng trong đời sống của đồng bào. Rừng là nơi cung cấp đất canh tác, gỗ làm nhà, vật liệu cho các hoạt động thủ công (như đan lát, mộc), nguồn nước tưới tiêu và sinh hoạt, thực phẩm, cây thuốc, rau cỏ, củi đốt, bãi chăn thả gia súc, nơi chôn cất người đã mất,... Các hoạt động sinh kế nêu trên là nền tảng, có mối liên hệ mật thiết, qua lại với các dạng thức, sinh hoạt văn hóa truyền thống của người Mường nơi đây. Những thay đổi về sinh kế đã dẫn tới sự biến đổi về văn hóa. Trong những năm gần đây, dưới tác động của kinh tế thị trường, di cư lao động, chính sách bảo vệ rừng... đời sống của người Mường ở xã Cúc Phương đã có những biến đổi sâu sắc, đặc biệt là trên phương diện sinh kế.

Biến đổi lớn nhất là về nông nghiệp - nguồn sống chính của người Mường ở xã Cúc Phương, đã có sự thay đổi căn bản về cơ cấu vật nuôi, cây trồng, đầu ra của sản phẩm, kỹ thuật canh tác nuôi trồng và thời vụ. Vai trò của cây lúa ngày càng mờ nhạt. Ở các thôn bản, ruộng nước còn lại rất ít, có bản không còn canh tác nữa. Tại thôn Sấm 2 với 52 hộ người Mường, không còn hộ nào trồng lúa, vì vậy, để có gạo ăn hàng ngày họ đều mua ngoài thị trường. Trong một số năm, người Mường đã chuyển toàn bộ ruộng lúa nước sang trồng ngô lai và cỏ voi (cho chăn nuôi gia súc). Nguyên nhân trước tiên của việc chuyển đổi này là do thiếu nước để canh tác lúa nước, mất nhiều

công chăm sóc, thiếu lao động, hay mất mùa. Trên đất vườn, nương bãi, trước đây trồng ngô, khoai lang, sắn, bầu bí... nay chuyển sang trồng các loại cây hàng hóa có giá trị cao trên thị trường như dưa, mít, bưởi, cây dược liệu (chủ yếu là cây sả). Các giống vật nuôi như trâu, bò, lợn, gà truyền thống ít được nuôi do hiệu quả kinh tế thấp. Thay vào đó, các loại vật nuôi có giá trị hàng hóa cao như: dê, hươu, nhím, lợn lai, gà lai, ong mật... đang được ưu tiên phát triển.

Về thủ công nghiệp và dịch vụ, tại thôn Sám 2, nghề thủ công gần như mai một, chỉ còn vài hộ duy trì đan lát nhỏ lẻ, thu nhập thấp và thiếu lực lượng kế nghiệp, điều này cho thấy nguy cơ đứt gãy việc truyền nghề cho thế hệ sau. Hoạt động trao đổi buôn bán chỉ mới manh nha: một vài hộ bán hàng tạp hóa nhỏ, một số bán mật ong online nhưng doanh thu thấp và phụ thuộc mùa vụ; dịch vụ chủ yếu là vận chuyển vật liệu xây dựng, xe ôm, sửa chữa xe máy, chưa gắn kết nhiều với du lịch sinh thái.

Năm 1962, Vườn Quốc gia Cúc Phương được thành lập. Theo đó, chính sách quản lý bảo vệ rừng ngày càng chặt chẽ và nghiêm ngặt. Sự kiện này đã có những tác động to lớn đến đời sống của người Mường sinh sống ở trong và ven rừng, vùng đệm, đặc biệt là trên phương diện sinh kế. Từ năm 1987 đến đầu những năm 1990, toàn bộ các làng của xã trong khu vực lõi rừng buộc phải di dời, tái định cư ra vùng đệm của rừng. Các hoạt động như khai thác gỗ, khai hoang, phát đốt làm nương rẫy, săn bắt hái lượm, lấy củi trong rừng theo đó bị nghiêm cấm. Một người Mường cao tuổi kể lại: *“Nhà tôi chuyển từ trong rừng ra, có 06 khẩu, chỉ được cấp 3 sào 10 tấc ruộng (1.320m²), 3.800m² đất nhà và vườn, 4.300 m² đất trồng cây lâu năm nên làm không đủ ăn. Trước ở trong rừng, lúc đói còn có các loại rau củ quả rừng, chim thú, cua cá để ăn. Lúc chuyển ra ngoài này cuộc sống rất khó khăn, thường không đủ ăn do mất mùa (hạn hán, lũ lụt, sâu bệnh, chim, thú trong rừng ra phá phá); việc săn bắt, hái lượm trong rừng bị cấm nghiêm ngặt, không được lấy bất cứ cái gì, kể cả củi, thậm chí có lúc sắn cũng không có mà ăn”* (PVS, Đình Văn T., nam, 68 tuổi, thôn Bãi Cả, 6/2025).

Do cuộc sống quá khó khăn, cuối những năm 1990, có khá nhiều người di cư vào Nam tìm việc làm vì lúc đó ở miền Bắc không có nhiều công ty, xí nghiệp. Gia đình ông Đình Quang L. có bốn người con đều đi làm ăn xa. Hiện ba người đã xây dựng gia đình và định cư ở tỉnh Bình Dương, Đắk Lắk và Hải Phòng. Do khó khăn và làm nông nghiệp không hiệu quả, gia đình ông đã bán hết đất canh tác và một phần đất thổ cư để có tiền trang trải cuộc sống. Theo ông, hầu hết các hộ trong thôn đã bán hết đất vườn và đất trồng cây lâu năm cho tư nhân bên ngoài và một số công ty kinh doanh du lịch nghỉ dưỡng và nhà hàng. Hiện nay, ước tính trong thôn Bãi Cả có hơn 80% người trong độ tuổi lao động đi làm công nhân hoặc làm thuê lao động phổ thông. Tương tự, ở thôn Sám 2, gần như toàn bộ các hộ trong thôn (50/52 hộ) có người di cư lao động (PVS, Đình Quang L., nam, 59 tuổi, Trưởng thôn Sám 2, 6/2025).

Sự thay đổi về sinh kế, đặc biệt là hiện tượng di cư lao động ngày càng tăng, có tác động lớn đến văn hóa truyền thống của đồng bào trên nhiều phương diện. Dưới tác động của các phương tiện truyền thông, khoa học công nghệ và trải nghiệm qua tương tác với bên ngoài, nhiều người Mường, nhất là thế hệ trẻ, người di cư đã thay đổi về quan niệm và thái độ đối với các giá trị văn hóa truyền thống, thay đổi cách ăn mặc, ngôn ngữ, nghi lễ (Vũ Trường Giang, 2018). Bên cạnh đó, việc đi làm ăn xa khiến nhiều người trẻ không có thời gian tham

gia trực tiếp vào sinh hoạt văn hóa truyền thống tại địa phương, trong khi các dạng thức văn hóa này vốn được hấp thụ và kế thừa giữa các thế hệ thông qua truyền khẩu và thực hành tại cộng đồng trong một thời gian dài. Việc hầu hết những người trẻ đi làm ăn xa dẫn đến tình trạng thiếu người tiếp nối, thực hành, bảo tồn các dạng thức văn hóa truyền thống. Hơn nữa, việc đi làm ăn xa lâu ngày thường dẫn tới sự đứt gãy kết nối, dần phá vỡ sự cố kết cộng đồng truyền thống. Trước bối cảnh thực tiễn đó, một số dạng thức văn hóa cơ bản của người Mường tại điểm nghiên cứu đã có những biến đổi cụ thể như sau:

Thứ nhất, nhà sàn truyền thống không chỉ là nơi ở, mà còn là một trong những biểu tượng văn hóa tiêu biểu thể hiện quan niệm sống hòa hợp với thiên nhiên của người Mường ở xã Cúc Phương. Tuy nhiên, nhà sàn truyền thống trong xã đã dần vắng bóng từ cuối những năm 1990. Theo một số cụ già ở thôn Sấm 2, lý do chủ yếu là do rừng bị cấm không thể khai thác gỗ để làm nhà hoặc sửa chữa, thay thế các bộ phận bị hư hỏng, mối mọt của ngôi nhà. Hơn nữa, lúc đó một số quan điểm cho rằng nhà sàn là biểu hiện cho sự “lạc hậu” và bất tiện nên hầu hết đã phá bỏ hoặc bán, chuyển sang ở nhà trệt, nhà xây. Sự vắng bóng của nhà sàn, các thửa ruộng, cùng với sự xuất hiện của các cơ sở lưu trú du lịch, nghỉ dưỡng và nhà hàng đã làm biến dạng và phá vỡ cảnh quan làng bản truyền thống của đồng bào Mường.

Thứ hai, người Mường ở xã Cúc Phương trước đây có nhiều lễ hội trong năm, như lễ Khai hạ, lễ Rước Vua Bà (Bà Chúa Thượng Ngàn - vị nữ thần bảo vệ rừng và che chở cho người dân), lễ Cầu mưa, lễ Xên mừng, lễ Cơm mới. Các lễ hội này, thể hiện rõ tính chất nông nghiệp, gắn với cây lúa, dựa trên tín ngưỡng vạn vật hữu linh để cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, bản làng được bình yên. Phần hội thường diễn ra sôi nổi với trò chơi dân gian như ném còn, đi cà kheo, đẩy gậy, đánh mảng, múa chiêng, múa sạp, hát ví, hát giao duyên, hát đúm, ... Theo một số bậc cao niên ở xã Cúc Phương, đến nay chỉ 02 lễ hội còn được người dân thực hành thường xuyên, nhưng đã có nhiều thay đổi. Như lễ Cơm mới, thường được tổ chức ở đình làng vào ngày 15 tháng 10 âm lịch hàng năm. Lễ hội này vốn có tính cộng đồng rất cao, tất cả các hộ gia đình trong làng đều đóng góp làm đồ lễ dựa trên suất đình mỗi hộ và tham dự lễ. Đồ lễ thường có đầu và thịt heo, gà, xôi ngũ sắc, rượu cần, hoa quả, ... Hiện nay, vào dịp lễ, các nhà thường làm lễ riêng, đơn giản hơn: xôi, gà, hoa quả, hương; trong làng “có nhà đi nhà không”. “*Trước đây, cả làng, già trẻ, gái trai đều tham gia, rất đông vui, giờ toàn là những người lớn tuổi, người già; bọn trẻ bây giờ không tin vào tâm linh... chỉ quan tâm đến tiền, đi vắng hết. Trong thôn giờ không còn hộ nào trồng lúa nữa, nên ý nghĩa của lễ hội cũng giảm đi*” (PVS, ông Đinh Văn T., nam, 60 tuổi, thôn Bãi Cả, 6/2025). Đám tang và đám cưới truyền thống cũng có nhiều biến đổi. Trước đây, hầu hết đám ma đều phải có lễ cúng mo, nay cũng tùy theo khả năng kinh tế của mỗi nhà mới tổ chức vì cúng mo thường phát sinh chi phí khá lớn. Đối với đám cưới, hầu hết đã theo hình thức tổ chức như người Kinh.

Thứ ba, Người Mường trước đây có các hoạt động thủ công nghiệp như rèn, mộc, đan lát, dệt vải..., hiện nay chỉ còn một vài hộ làm đan lát. Nguyên nhân chính là do thiếu người để truyền nghề. Các sản phẩm làm ra cũng không đáp ứng được nhu cầu của thị trường và sự cạnh tranh với hàng công nghiệp giá rẻ. Phụ nữ Mường có trang phục truyền thống rất nổi tiếng, gồm nhiều bộ phận hợp thành, như: váy, áo, khăn, mũ, yếm, thắt lưng với những hoa văn độc đáo. Trước kia các hộ trong làng còn trồng bông, dệt vải để tự may trang phục.

Khoảng cuối những năm 1990, không còn hộ nào trồng bông nữa; dần dần những khung cửi cuối cùng được lưu giữ lại cũng đã bị vứt bỏ do môi mọt, hư hỏng. “*Hiện nhà nào cũng còn giữ một vài bộ trang phục truyền thống cất trong tủ nhưng rất ít khi dùng; người trẻ giờ không mặc, chỉ có những người lớn tuổi mặc vào những dịp đặc biệt, khi có sự kiện như lễ hội, cưới xin, trình diễn*” (PVS, Đinh Minh Ch., nam, 75 tuổi, thôn Sám 2, 6/2025).

Thứ tư, các dạng thức văn nghệ, diễn xướng, trò chơi dân gian cũng mai một đi nhiều. “*Trước đây, khi chúng tôi khoảng 18 tuổi đã thuộc và hát thạo nhiều bài hát truyền thống như hát đúm, hát giao duyên - bộ mệng... giờ chủ yếu vẫn là chúng tôi hát. Bọn trẻ giờ đi làm ăn xa hết và không thích hát. Chúng tôi rất muốn thế hệ trẻ tham gia nhưng giờ cũng không biết cách nào để lôi kéo chúng*” (PVS, Đinh Văn X., nam, 58 tuổi, thôn Bãi Cả, 6/2025). Chị Đinh Thị H. (54 tuổi, thôn Sám 2) cho biết, những bộ chiêng cổ truyền trong thôn đã bị bán hết từ lâu. Gần đây, thôn được chính quyền địa phương khuyến khích và hỗ trợ kinh phí để khôi phục các hoạt động hát dân gian truyền thống, múa chiêng, trò chơi dân gian. Năm 2024, xã cấp cho câu lạc bộ văn hóa văn nghệ truyền thống của thôn một bộ chiêng (12 chiếc), 20 bộ quần áo và váy cho nữ, 02 bộ quần áo nâu sòng cho nam, 01 bộ loa đài và micro, 06 đôi dụng cụ múa, 05 đôi cà kheo; cấp thêm 15 triệu đồng kinh phí duy trì hoạt động của câu lạc bộ. Mỗi năm, câu lạc bộ của thôn tham gia trình diễn 2-3 lần trong các dịp hội diễn do chính quyền tổ chức hoặc được các cơ sở nghỉ dưỡng mời phục vụ du khách. Mỗi lần đi diễn, một người tham gia nhận được thù lao từ 200.000 đến 500.000 đồng. Khi được mời biểu diễn hoặc giao lưu, các thành viên trong câu lạc bộ mới luyện tập theo các tiết mục đã đăng ký hoặc thỏa thuận. Câu lạc bộ của thôn Sám 2 chủ yếu là phụ nữ trung niên, không thu hút được người trẻ vì lớp trẻ đa số đi làm ăn xa, hơn nữa họ cũng không hứng thú tham gia. Trước đây, trong xã có hai nghệ nhân cao tuổi dạy múa, đánh chiêng truyền thống của người Mường, nay họ đã mất, không có người truyền dạy lại. Trước đây, chị Đinh Thị H. cũng được hướng dẫn thực hành từ các nghệ nhân này, nhưng do không luyện tập thường xuyên, không có tài liệu ghi chép, nên kỹ năng rất hạn chế.

Thứ năm, ẩm thực của đồng bào Mường ở xã Cúc Phương rất phong phú, có nhiều món đặc sản chế biến từ nguyên liệu địa phương, nhất là các loại rau rừng, cá suối, thịt thú rừng, các loại củ, hạt, như rọu cần, xôi ngũ sắc, cơm lam, thịt trâu lá lồm, cá suối nướng, thịt nướng lá mắc khén, thịt hấp lá chuối, thịt muối chua, các món côn trùng (châu chấu rang, mối nướng, nhộng ong xào), rau rừng hấp, măng đắng, nấm, chẳm chéo,... Tuy nhiên, hiện nay những món ăn này không còn phổ biến như trước, thường chỉ được nấu, chế biến vào những dịp có nghi lễ. Do người dân bị cấm khai thác trong rừng, nguồn nguyên liệu truyền thống rất khó kiếm và thực tế trong rừng cũng ngày càng khan hiếm các nguyên liệu này.

Thứ sáu, y học cổ truyền của người Mường là một kho tàng tri thức bản địa phong phú, gắn liền với khai thác và sử dụng các loại dược liệu từ rừng núi. Theo thầy lang Đinh Văn C. (63 tuổi, thôn Sám 2), hầu hết người cao tuổi trong thôn đều nắm được các bài thuốc cơ bản từ cây cỏ tự nhiên để chữa những bệnh thông thường. Hiện nay, thôn có sáu hộ hành nghề thầy lang, trong đó ông C. được xem là người am hiểu sâu rộng nhất, có thể nhận biết hàng nghìn loại cây thuốc cùng công dụng của chúng. Kiến thức y học của ông được truyền lại qua nhiều thế hệ trong gia đình và học hỏi từ các thầy lang Mường nổi tiếng trong vùng. Ban đầu, ông chỉ bốc thuốc chữa bệnh cho

người thân và dân làng, nhưng khoảng 6 - 7 năm gần đây, ông mở rộng thị trường, gửi thuốc đi khắp cả nước theo đơn đặt hàng. Các bài thuốc được ưa chuộng chủ yếu điều trị bệnh dạ dày, xương khớp, sỏi thận và sỏi mật, mang lại thu nhập ổn định từ 15 - 20 triệu đồng mỗi tháng. Nhận thấy tiềm năng lớn của y học cổ truyền, gia đình ông dự định phát triển vườn dược liệu riêng để chủ động nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất thuốc, nhằm nâng cao chất lượng, mở rộng quy mô kinh doanh và góp phần bảo tồn tri thức y học dân gian của người Mường.

Những năm vừa qua, các cấp chính quyền huyện Nho Quan đã có sự quan tâm rất lớn đến bảo tồn văn hóa truyền thống của người Mường, nhất là từ khi Dự án 6³ (theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030) được triển khai, qua các đề án như: “*Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Mường trên địa bàn huyện*”, “*Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường*”, “*Bảo tồn văn hóa công nghệ dân tộc Mường*”, khuyến khích thành lập các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ truyền thống dân tộc Mường như: Câu lạc bộ hát Sắc Búa, hát Giao duyên, hát Đúm; khuyến khích hỗ trợ tổ chức các lễ hội truyền thống hàng năm như lễ Khai hạ, lễ Cơm mới... (UBND huyện Nho Quan, 2024). Tuy nhiên, các hoạt động này hiện chỉ tập trung vào một số dạng thức văn hóa bề nổi, mang tính “phong trào” và còn thiếu tính bền vững. Câu hỏi đặt ra, đến khi hết hỗ trợ, các hoạt động này có được tiếp tục thực hành hay không?

Mặc dù nằm liền kề Vườn Quốc gia Cúc Phương - điểm du lịch có lượng khách tham quan lớn hằng năm, song dịch vụ du lịch cộng đồng của người Mường tại địa phương vẫn chưa phát triển. Thực tế cho thấy, người Mường đã đóng góp nhiều công sức cho việc hình thành và bảo tồn rừng Cúc Phương, nhưng đến nay vẫn chưa được hưởng lợi ích tương xứng. Theo ông Phạm Kiên C. (Giám đốc Du lịch Vườn Quốc gia Cúc Phương), trong thời gian dài, do thiếu cơ chế, chính sách và kinh phí nên việc phối hợp, hỗ trợ người Mường tham gia hoạt động du lịch khá bị hạn chế. Hiện nay, người dân chủ yếu tham gia công tác bảo vệ rừng, được nhận một phần kinh phí từ quỹ dịch vụ môi trường rừng và khoản hỗ trợ 50 triệu đồng/năm nếu không xảy ra vi phạm quy định bảo vệ rừng (Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025).

Trong lĩnh vực du lịch, bộ phận dịch vụ của Vườn Quốc gia hiện có hơn 10 lao động trẻ người Mường làm các công việc như phục vụ, nấu ăn, bán hàng lưu niệm, biểu diễn văn nghệ. Tuy nhiên, các sản phẩm đặc trưng của người Mường chủ yếu vẫn tiêu thụ nhỏ lẻ qua tư thương; hiện Vườn Quốc gia chỉ phân phối một sản phẩm duy nhất là mật ong. Từ năm 2022, do nguồn lực hạn chế, Vườn Quốc gia mới chỉ hỗ trợ thí điểm thôn Nga 1 nâng cấp đường vào thôn, tài trợ một số hộ làm nghề thủ công (dệt vải, làm chõ đồ xôi...) và mở lớp tập huấn kỹ năng du lịch cộng đồng. Dù vậy, triển vọng vẫn còn hạn chế do phần lớn yếu tố văn hóa truyền thống đã mai một, việc phục hồi đòi hỏi nguồn kinh phí và nhân lực đáng kể.

³ Dự án 6 tập trung vào việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số thông qua các hoạt động cụ thể như truyền dạy kỹ năng (công nghệ, dệt thổ cẩm, làm gốm), tổ chức tập huấn, và hỗ trợ phát triển các mô hình kinh doanh, du lịch cộng đồng dựa trên văn hóa.

Theo ý kiến thảo luận nhóm tại thôn Sấm 2, nguyên nhân chính của sự suy giảm này là do đời sống khó khăn, người dân phải mưu sinh xa quê nên ít quan tâm tới sinh hoạt văn hóa trong thời gian dài. Từ năm 2015, chính quyền địa phương mới bắt đầu thành lập đội văn nghệ xã, và đến năm 2022 mới hình thành các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ ở thôn bản. Gần đây, nhờ sự khuyến khích và hỗ trợ từ các cấp chính quyền, đang dần phục hồi các hoạt động văn hóa văn nghệ truyền thống. Một số hộ khá giả có kế hoạch dựng lại nhà sàn, phát triển mô hình homestay, mở ra triển vọng mới cho du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn văn hóa người Mường tại xã Cúc Phương.

3. Một số vấn đề đặt ra và kết luận

Thực tiễn nghiên cứu cho thấy, công tác bảo tồn văn hóa truyền thống của người Mường tại xã Cúc Phương, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình đang đối mặt với nhiều thách thức, phản ánh những vấn đề mang tính xã hội, kinh tế và chính sách đan xen. Trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập, các giá trị văn hóa bản địa đang dần bị thu hẹp cả về không gian lẫn khả năng lưu truyền đến các thế hệ sau, đặt ra yêu cầu cấp thiết về định hướng bảo tồn phù hợp, hiệu quả và bền vững.

Trước hết, sự mai một của các loại hình văn hóa truyền thống là vấn đề nổi cộm. Nhiều thực hành văn hóa như hát mo, công chiêng, dệt thổ cẩm, đan lát, tri thức y học dân gian... đã bị gián đoạn hoặc biến dạng, do thiếu môi trường thực hành và lớp kế cận. Các sinh hoạt cộng đồng vốn là “không gian sống” của văn hóa truyền thống cũng dần bị thay thế bởi các hình thức giải trí hiện đại. Tình trạng này không chỉ khiến tri thức dân gian có nguy cơ thất truyền, mà còn làm suy yếu sức sống của các thiết chế văn hóa cộng đồng, vốn là nền tảng duy trì bản sắc của người Mường.

Thứ hai, đời sống kinh tế khó khăn và di cư lao động đã tác động mạnh đến khả năng duy trì văn hóa. Trong nhiều năm, do đất sản xuất thu hẹp, cơ hội việc làm hạn chế, một bộ phận lớn lao động trẻ người Mường phải rời địa phương làm thuê ở các khu công nghiệp, dẫn đến sự thiếu hụt nghiêm trọng lực lượng tham gia và truyền dạy văn hóa truyền thống. Việc di cư này không chỉ làm đứt gãy quá trình kế thừa di sản văn hóa, mà còn khiến các giá trị tinh thần dần bị thay thế bởi tư duy kinh tế thị trường. Khi văn hóa không còn gắn liền với đời sống sinh kế, người dân cũng mất dần động lực gìn giữ và thực hành.

Thứ ba, nguồn lực và chính sách bảo tồn còn thiếu tính đồng bộ, bền vững. Trong nhiều năm, người Mường đã đóng góp to lớn cho việc bảo tồn rừng Cúc Phương, một không gian sinh thái gắn bó mật thiết với đời sống văn hóa của họ. Tuy nhiên, lợi ích kinh tế mà họ được hưởng từ các hoạt động du lịch sinh thái và bảo tồn lại rất hạn chế. Các hoạt động du lịch cộng đồng và du lịch văn hóa vốn có thể trở thành động lực kinh tế gắn với bảo tồn lại phát triển chậm, mô hình du lịch cộng đồng của người Mường địa phương vẫn manh mún, tự phát, thiếu quy hoạch. Số lao động người Mường tham gia trực tiếp trong các dịch vụ du lịch của Vườn chiếm tỷ lệ nhỏ chủ yếu làm việc ở vị trí phục vụ. Trong khi đó, các sản phẩm đặc trưng của người Mường như rượu cần, đồ thủ công, sản vật núi rừng chỉ được tiêu thụ nhỏ lẻ qua thương lái, không có thương hiệu hay kênh phân phối ổn định. Mặc dù Vườn Quốc gia Cúc Phương cũng nỗ lực hỗ trợ thí điểm một số hoạt động tại thôn Nga 1, song kết quả còn hạn chế bởi thực tế muốn khôi phục giá trị văn hóa truyền thống đã phai nhạt cần nguồn đầu tư lớn, trong khi khả năng đóng góp của người dân lại rất khiêm tốn.

Thứ tư, công tác nghiên cứu, quy hoạch và quản lý di sản văn hóa còn dừng ở mức hình thức. Việc kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa các giá trị văn hóa Mường mới chỉ thực hiện rời rạc, thiếu tính hệ thống. Các chương trình bảo tồn thường mang tính ngắn hạn, phong trào, thiếu chiến lược dài hơi về đào tạo, truyền dạy, đầu tư hạ tầng và xây dựng sản phẩm văn hóa đặc trưng. Hệ quả là giữa “bảo tồn” và “phát triển” vẫn tồn tại khoảng cách lớn, khiến người dân chưa thấy được lợi ích thiết thực từ việc gìn giữ bản sắc.

Thứ năm, mối quan hệ giữa bảo tồn văn hóa và sinh kế bền vững chưa được xác lập rõ ràng. Khi người dân còn phải mưu sinh từng ngày, việc khuyến khích họ tham gia bảo tồn sẽ rất khó khả thi. Do đó, cần chuyển hướng từ “bảo tồn tĩnh” sang “bảo tồn động”, tức là kết hợp giữa gìn giữ văn hóa với tạo sinh kế, gắn bảo tồn với thị trường. Các mô hình như sản xuất hàng thủ công, phát triển sản phẩm OCOP, du lịch cộng đồng, y học cổ truyền, ẩm thực Mường... nếu được đầu tư bài bản, có thể trở thành hướng đi bền vững, vừa phát huy giá trị văn hóa, vừa giúp người dân cải thiện đời sống.

Cuối cùng, công tác bảo tồn văn hóa người Mường ở xã Cúc Phương cần được đặt trong tầm nhìn tổng thể về phát triển bền vững, coi văn hóa là nguồn lực nội sinh của cộng đồng. Muốn vậy, cần sự phối hợp chặt chẽ giữa: chính quyền địa phương, Ban quản lý Vườn Quốc gia, doanh nghiệp du lịch và chính người dân. Nhà nước cần có chính sách đặc thù nhằm hỗ trợ người Mường tham gia trực tiếp vào các hoạt động du lịch sinh thái, giáo dục môi trường, dịch vụ văn hóa; đồng thời xây dựng cơ chế chia sẻ lợi ích công bằng hơn giữa bảo tồn thiên nhiên và phát triển sinh kế. Nhìn một cách tổng thể, bảo tồn văn hóa truyền thống người Mường ở xã Cúc Phương không chỉ là vấn đề gìn giữ bản sắc, mà còn là nhiệm vụ phát triển bền vững của cả vùng sinh thái - văn hóa. Khi người dân được thụ hưởng xứng đáng từ chính những giá trị họ tạo ra và gìn giữ, khi văn hóa trở thành động lực chứ không chỉ là ký ức, thì công tác bảo tồn mới thực sự có sức sống và ý nghĩa lâu dài./.

Tài liệu tham khảo

1. CEU - Central European University (2024), *The concept of Cultural Heritage*, <https://culturalheritagestudies.ceu.edu/concept-and-history-cultural-heritage>, Accessed 26/02/2024.
2. Jeanne Cuisinier (1995), *Người Mường - Địa lý nhân văn và xã hội học*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
3. Phạm Hùng Cường (2016), “Bảo tồn thích ứng - Phương pháp tiếp cận để bảo tồn và phát huy giá trị di sản làng xã truyền thống”, *Tạp chí Kiến trúc*, số 10, tr. 28-33.
4. Bluestone, D. et al. (1999), “The economics of heritage conservation: A discussion”, in *Economics and Heritage Conservation: A Meeting Organized by the Getty Conservation Institute*, Los Angeles, The Getty Conservation Institute, pp. 9-22.
5. Dương Ngọc Dung (2015), *Tang ma của người Mường Kỳ Lão, xã Kỳ Phù, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình*, Luận văn thạc sĩ Văn hóa học, trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
6. Endong, F. P. Calvin (2018), *Culture and Heritage Preservation in an Era of Globalization and Modernism: A Comparative Study of China and Nigeria*, in: *Handbook of Research on Heritage Management and Preservation*, Ngulube, Patrick (ed.), IGI Global, pp. 320-339.

7. Vũ Trường Giang (2018), *Di cư xuyên biên giới của các tộc người thiểu số ở vùng Tây Bắc Việt Nam*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.
8. Nguyễn Ngọc Thanh (2015), “Dân tộc Mường”, trong Vương Xuân Tình chủ biên: *Các dân tộc ở Việt Nam*, Tập 1: Nhóm ngôn ngữ Việt - Mường, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
9. Trần Từ (1996), *Người Mường ở Hòa Bình*, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, Hà Nội.
10. Ủy ban nhân dân huyện Nho Quan (2022), *Đề án Phát triển du lịch gắn với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc huyện Nho Quan giai đoạn 2020 - 2025*.
11. Ủy ban nhân dân huyện Nho Quan (2024), *Báo cáo kết quả thực hiện Dự án 6 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện Nho Quan*.
12. Ủy ban nhân dân xã Cúc Phương (2024), *Báo cáo tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi từ năm 2022-2023 trên địa bàn xã Cúc Phương*.
13. Bùi Huy Vọng (2020), *Văn hóa Mường ở Ninh Bình: Bản sắc và biến đổi*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

Abstract

THE CURRENT STATUS OF TRADITIONAL CULTURAL HERITAGE CONSERVATION AMONG THE MUONG IN NINH BINH PROVINCE

Vu Dinh Muoi

Institute of Anthropology and Religious Studies

Vietnam Academy of Social Sciences

The Muong people have a long-standing history of settlement in Vietnam, having developed a rich, diverse, and distinctive cultural heritage. However, under the influence of market economy forces, labor migration, and forest management policies, the traditional culture of the Muong in Ninh Binh is undergoing profound transformations. Many tangible and intangible cultural values are eroding and may even be at risk of disappearing entirely if not promptly preserved. Drawing on empirical research conducted in Cuc Phuong Commune, Ninh Binh Province, and adopting an ethnological perspective, this article analyzes the causes and current status of the transformation of traditional Muong culture in the locality, while also proposing key considerations for cultural heritage preservation and policy recommendations. Through this approach, the study aims to safeguard and promote the distinctive cultural values of the Muong community within the context of modernization and integration.

Keywords: Preservation, cultural heritage, Muong people, Ninh Binh.